

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2025/DSPT

Ngày: 15-01-2025

V/v tranh chấp: “Yêu cầu
mở lối đi qua bất động sản liền kề”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương;
Ông Trương Vĩnh Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 620/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp “Yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 104/2024/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 711/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Đoàn Văn T, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp C, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Từ Thị Mỹ P, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1992 (có mặt);
địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Tạm trú: ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 06/01/2025 tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang).

- Bị đơn:

1. Chị Lê Thị Trúc P1, sinh năm 1997;

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Tạ Kim T1, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: 5, đường C Khu phố A, Phường D, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang (Theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 30/8/2024 tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang).

2. Anh Lê Thanh T2, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị C, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Ông Lê Văn N, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Chị Lê Thị Trúc L1, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp I, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Tạ Kim T1, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: 5, đường C Khu phố A, Phường D, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang (Theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 30/8/2024 tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang).

4. Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp I, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Chị Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Chị Huỳnh Thị Cẩm L2, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Lê Thị Trúc P1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Trúc L1, bà Trần Thị C, ông Lê Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

* *Nguyên đơn ông Đoàn Văn T bà Từ Thị Mỹ P có đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Văn L thống nhất trình bày:*

Thửa đất số 222, tờ bản đồ số 17, diện tích 4.846,8m² tại ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông Đoàn Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thửa đất số 209, tờ bản đồ số 17, diện tích 3.323,6m² tại ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do bà Từ Thị Mỹ P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Giáp ranh với thửa đất số 222, thửa 209 là thửa đất số 224, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.914,3m² tại ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do chị Lê Thị Trúc P1 và anh Lê Thanh T2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Để đi từ thửa đất ông T, bà P ra đường công cộng phải đi qua thửa đất số 224 của chị P1, anh T2 trên lối đi có diện tích 80,1m². Lối đi này ông T, bà P đã sử dụng trên 30 năm và là lối đi duy nhất. Nguồn gốc lối đi này là của bà Nguyễn Thị H. Bà H là chủ đất cũ của thửa 224. Bà H cho ông T, bà P đi. Sau đó, bà H chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 224 cho chị P1, anh T2, chuyển nhượng luôn phần lối đi này. Hiện nay, chị P1, anh T2 đã rào lối đi và xây dựng mái che trên đất làm lối đi. Trên lối đi này, ngoài ông T, bà P còn nhiều hộ nữa cùng đi là hộ gia đình bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Hồng G, bà Phạm Thị Đ. Lối đi là đường đal do các hộ bên trong bỏ tiền xây dựng khoảng hơn 10 năm. Ngoài lối đi này thì nguyên đơn và các hộ bên trong không có lối đi khác.

Nay, ông Đoàn Văn T, bà Từ Thị Mỹ P yêu cầu anh Lê Thanh T2, chị Lê Thị Trúc P1 mở lối đi diện tích 80,1m² nằm trong thửa 224, tờ bản đồ số 17, tại ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

** Bị đơn Lê Thị Trúc P1 và Lê Thanh T2 thống nhất trình bày:*

Phần đất thửa 224, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.914,3m² tại ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang là do bà C, ông N mua cho anh Lê Thanh T2, chị Lê Thị Trúc P1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện tại, phần đất này đang do chị P1, anh T2, bà C, con chị P1 là Lê Ngọc N2, Lê Trí T3 cùng chung sống. Thửa đất này chị P1 cho chị Lê Thị Trúc L1, anh Nguyễn Văn N1 thuê, thời hạn thuê 05 năm từ năm 2023 - 2028. Cây trồng trên đất là của vợ chồng chị P1. Căn nhà trên đất là của chủ đất cũ là bà Nguyễn Thị H, chị P1 tu sửa lại. Trước kia, các hộ bên trong có đi nhờ trên đất của bà Nguyễn Thị H. Sau đó, ông Đoàn Văn T tự rào đất không cho các hộ phía trong đi.

Lúc chị P1 mua phần đất này của bà Nguyễn Thị H đã có đường đal hiện hữu do bà H đổ xi măng và có căn nhà trên đất. Căn nhà nằm sát mé đường đi. Thời điểm chị P1 mua đất thì bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Hồng G, bà Phạm Thị Đ, ông Đoàn Văn T, bà Từ Thị Mỹ P không đi trên lối đi này mà đi trên các lối đi khác giáp ranh. Đất có nhiều lối đi. Hiện tại, lối đi này bị các hộ dân bên trong tông vào hàng rào khi say sấn gây ảnh hưởng vách nhà chị P1 nên chị P1 đã xây dựng thêm phần mái che bằng tole, vách tole trên lối đi này. Lý do chị P1 xây dựng là để bảo vệ tài sản, sức khỏe và tính mạng. Ông Đoàn Văn T, bà Từ Thị Mỹ P có đi trên đất của chị P1 và nhiều lối đi trên đất các chủ đất khác.

Có khoảng thời gian chị P1, bà C có thỏa thuận với các hộ dân bên trong mỗi hộ hùn tiền khoảng 20.000.000 đồng để chị P1 di dời nhà ra khỏi phần lối đi bằng đal để thuận tiện đi lại và không ảnh hưởng đến sức khỏe và tài sản nhưng các hộ dân bên trong không đồng ý. Gia đình ông T đã nhiều lần gây ảnh hưởng đến sức khỏe bà C và tài sản gia đình của chị P1.

Nay, ông Đoàn Văn T, bà Từ Thị Mỹ P yêu cầu anh Lê Thanh T2, chị Lê Thị Trúc P1 mở lối đi diện tích 80,1m² nằm trong thửa 224, tờ bản đồ số 17, nằm trong tổng diện tích 1.914,3m² tại ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang thì gia đình chị P1, anh T2, bà C không đồng ý. Lý do, khi mở lối đi này sẽ gây ảnh hưởng sức khỏe, tài sản gia đình của chị P1.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Trúc L1 trình bày:*

Thửa đất 224, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.914,3m² tại ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang chị và chồng chị là anh Nguyễn Văn N1 thuê, thời hạn thuê 05 năm từ năm 2023 - 2028. Chị có ý kiến không đồng ý cho ông Đoàn Văn T, bà Từ Thị Mỹ P mở lối đi trên đất anh Lê Thanh T2, chị Lê Thị Trúc P1 vì nó ảnh hưởng đến tài sản, sức khỏe của gia đình vì việc này đã xảy ra rất nhiều lần.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn N trình bày:*

Ông không đồng ý cho ông Đoàn Văn T, bà Từ Thị Mỹ P mở lối đi diện tích 80,1m² nằm trong thửa 224, tờ bản đồ số 17, nằm trong tổng diện tích 1.914,3m² tại ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang của anh Lê Thanh T2, chị Lê Thị Trúc P1. Lý do, khi mở lối đi này sẽ gây ảnh hưởng sức khỏe, tài sản gia đình của chị P1.

* Bị đơn là anh Lê Thanh T2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn N1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn không có ý kiến và không tham gia phiên tòa.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 104/2024/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 254, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Điều 95 Luật đất đai năm 2013.

- Khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điều 73 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn T, bà Từ Thị Mỹ P.

1.1. Buộc anh Lê Thanh T2, chị Lê Thị Trúc P1, ông Lê Văn N và bà Trần Thị C mở lối đi cho ông Đoàn Văn T, bà Từ Thị Mỹ P một phần diện tích đất thuộc thửa 224, tờ bản đồ số 17 có diện tích 80,1m² tại ấp D, xã C, huyện C, tỉnh

Tiền Giang theo Bản đồ địa chính khu đất (trích đo) ngày 15/11/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện C. Đất có tứ cận như sau:

- Hướng Bắc giáp phần đất bà Võ Thị G1;
 - Hướng Nam giáp phần đất còn lại thửa 224 của anh Lê Thanh T2, chị Lê Thị Trúc P1;
 - Hướng Tây giáp đường đá;
 - Hướng Đông giáp đường bê tông và phần đất ông Đoàn Văn T.
- (Có sơ đồ kèm theo).

1.2. Buộc ông Đoàn Văn T, bà Từ Thị Mỹ P phải đền bù cho anh Lê Thanh T2, chị Lê Thị Trúc P1 giá trị đất 86.428.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

1.3. Buộc ông Đoàn Văn T, bà Từ Thị Mỹ P phải đền bù cho anh Lê Thanh T2, chị Lê Thị Trúc P1, ông Lê Văn N, bà Trần Thị C giá trị mái che là 8.232.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.4. Buộc anh Lê Thanh T2, chị Lê Thị Trúc P1, ông Lê Văn N, bà Trần Thị C có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời mái che kết cấu mái tôn, kèo gỗ, cột bê tông cốt thép, vách tôn, nền xi măng có diện tích 11,76m² tại ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang trên phần đất mở lối đi khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Đoàn Văn T, bà Từ Thị Mỹ P đã nộp xong.

3. Về án phí:

Ông Đoàn Văn T phải chịu 2.367.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông T đã tạm nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai thu số 0018087 ngày 16/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Ông T còn phải nộp tiếp số tiền 2.067.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Từ Thị Mỹ P phải chịu 2.367.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà P đã tạm nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai thu số 0018086 ngày 16/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Bà P còn phải nộp tiếp số tiền 2.067.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Thanh T2, chị Lê Thị Trúc P1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 08/08/2024, bị đơn chị Lê Thị Trúc P1, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị C, ông Lê Văn N, chị Lê Thị Trúc L1 kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm

theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn Lê Thị Trúc P1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị C, Lê Văn N, Lê Thị Trúc L1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, liên quan là không có căn cứ vì lỗi đi tranh chấp có trước khi bị đơn chuyển nhượng đất của bà Nguyễn Thị H và qua xem xét thẩm định của Tòa án thì có hai lỗi đi khác là không thuận tiện cho nguyên đơn, nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Từ đó đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Nghe các đương sự trình bày ý kiến, tranh luận và ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhận định, đề nghị hướng giải quyết vụ án. Xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn Lê Thị Trúc P1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị C, Lê Văn N, Lê Thị Trúc L1 nộp trong thời hạn, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên đủ điều kiện được thụ lý và xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tòa án sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp. Vụ án thuộc phạm vi xem xét giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Lê Thanh T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn N1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Về mặt nội dung xét kháng cáo của bị đơn chị Lê Thị Trúc P1, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị C, ông Lê Văn N, chị Lê Thị Trúc L1:

Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày thống nhất: Lỗi đi nguyên đơn yêu cầu đến thời điểm tranh chấp chỉ còn nguyên đơn sử dụng để ra vào đường đá. Lỗi đi này có diện tích 80,1m² là một phần của diện tích đất 1.914,3m² – thuộc thửa số 224 – tờ bản đồ số 17 – địa chỉ: ấp D, xã C, huyện C,

tỉnh Tiền Giang do ông Lê Thanh T2 và bà Lê Thị Trúc P1 đăng ký biến động và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C xác nhận vào ngày 09/3/2018 (bút lục 65). Cạnh hướng đông của thửa đất 224 giáp đất thửa số 222 của ông Đoàn Văn T, cạnh hướng bắc thửa đất 222 của ông T giáp với thửa đất số 209 của bà Từ Thị Mỹ P.

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/01/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, hiện trạng hai thửa đất 222 và 209 thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn là vườn cây trái, không có người ở. Ngoài lối đi nguyên đơn yêu cầu bị đơn mở, nguyên đơn hiện đang sử dụng lối đi khác. Cụ thể: Lối đi thứ nhất là lối đi qua đất thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn T4 (10m) đến đường đất thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn S, ra đường đal giữa đất thuộc quyền sử dụng của ông Tám N3 và ông T5 (30m), tới đường đal giữa đất thuộc quyền sử dụng của ông H1 và ông T5 (70m) và tới đường công cộng Huỳnh Văn K; L3 đi thứ hai, đó là lối đi qua đất thuộc quyền sử dụng của ông D, bà G1, ra đường đal cặp đất thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn H2 và tới đường công cộng Thái Văn H3.

Như vậy, mặc dù thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông T bị vây bọc bởi các bất động sản liền kề nhưng lối đi qua thửa đất 224 thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn không phải là lối đi duy nhất. Ngoài ra, trên lối đi nguyên đơn yêu cầu mở có một phần mái che với kết cấu mái tole, kèo gỗ, cột bê tông cốt thép, vách tole, nền xi măng gắn liền với căn nhà thuộc quyền sở hữu của bị đơn. Do đó, việc mở lối đi trên thửa đất 224 thuộc quyền sử dụng của bị đơn không những gây phiền hà cho bị đơn mà còn làm thiệt hại rất nhiều về tài sản thuộc quyền sở hữu của họ. Cụ thể lối đi được mở ngay tại vị trí sân nhà của bị đơn, chỉ cách cửa ra vào 33,87 mét, hoàn toàn không thuận tiện trong việc sinh hoạt cũng như bảo vệ tài sản của bị đơn.

Mặt khác, thửa đất 209 thuộc quyền sử dụng của bà Từ Thị Mỹ P hoàn toàn không bị vây bọc bởi các bất động sản liền kề vì hướng nam giáp với đường đi công cộng.

Từ phân tích trên, nguyên đơn hoàn toàn có thể sử dụng lối đi khác mà không cần phải yêu cầu bị đơn mở lối đi trên thửa đất 222 thuộc quyền sử dụng của bị đơn. Do đó, kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được chấp nhận nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận, do đó nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng bao gồm chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản; nguyên đơn đã tạm ứng đủ xem như đã nộp xong.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo được Tòa án chấp nhận.

[5] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 270, Điều 293, khoản 2 Điều 296, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 254 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lê Thị Trúc P1; và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị C, Lê Văn N, Lê Thị Trúc L1.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 104/2024/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn T, bà Từ Thị Mỹ P về yêu cầu anh Lê Thanh T2, chị Lê Thị Trúc P1, ông Lê Văn N và bà Trần Thị C về yêu cầu mở lối đi có diện tích 80,1m² đất thuộc một phần thửa đất số 224, tờ bản đồ số 17 tại ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Đoàn Văn T, bà Từ Thị Mỹ P phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng và đã nộp xong.

3. Về án phí:

Ông Đoàn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018087 ngày 16/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Từ Thị Mỹ P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018086 ngày 16/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Bà P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

H4 lại chị Lê Thị Trúc P1 số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm số 0016759 ngày 08/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

H4 lại chị Lê Thị Trúc L1 số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm số 0016758 ngày 08/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Minh Nguyệt

